

ĐỐI SÁNH CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT AN TOÀN THEO BASEL III VÀ VĂN BẢN PHÁP LÝ HIỆN HÀNH TẠI VIỆT NAM

TS. Trương Văn Khánh, ThS. Ngô Văn Vàng

Trường Đại học Tiền Giang

Ngày gửi bài: 05/1/2014

Ngày chấp nhận đăng: 10/6/2015

TÓM TẮT

Bài nghiên cứu sẽ giới thiệu sơ lược những điểm mới trong Basel III, đồng thời, trình bày những điểm khác biệt cơ bản trong cách tính chỉ số CAR trong Basel III và tại Việt Nam. Dựa vào kết quả phân tích, đồng tác giả sẽ đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm giúp các ngân hàng Việt Nam nhanh chóng đạt được các yêu cầu theo tiêu chuẩn quốc tế.

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking Supervision - BCBS) đã giới thiệu hiệp ước Basel III; và tại Việt Nam, một loạt các thông tư, nghị định mới cũng được ban hành nhằm nâng cao chất lượng và chiều sâu của vốn, quản lý thanh khoản nhằm cải thiện khả năng quản lý rủi ro tiềm ẩn của các ngân hàng... Vậy điểm mới của Basel III là gì? Cách tính chỉ số CAR tại Việt Nam tuân thủ Basel III đến đâu? Bài báo sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi trên, và dựa trên những kết quả phân tích có được, đồng tác giả sẽ mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị và giải pháp.

Từ khóa: chỉ số CAR, chỉ tiêu giám sát, giám sát ngân hàng, Ủy ban Basel

MATCHING TARGETS SAFETY MONITORING UNDER BASEL III AND CURRENT LEGAL DOCUMENTS IN VIETNAM

ABSTRACT

The research will briefly introduce the new points of Basel III and also present the basic differences in the calculation of the index of Capital Adequacy Ratio (CAR) in Basel III and in Vietnam. Based on the analytical results, the authors will give some recommendations and solutions to help Vietnamese banks quickly achieve the requirements of international standards.

Basel Committee on Banking Supervision (Basel Committee on Banking Supervision - BCBS) has introduced Basel III agreement; and in Vietnam, a series of new circulars and decrees have been issued in order to improve the quality and the depth of capital, liquidity management with aim to improve the ability to manage the potential risks of banks... So what are the new points of Basel III? Whether does the calculation of CAR in Vietnam comply with Basel III? The research will answer the above questions, and based on the analytical results, the authors will give some recommendations and solutions.

Keywords: CAR, monitoring indicators, banking supervision, the Basel Committee

1. GIỚI THIỆU VỀ BASEL III

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking supervision - BCBS) được thành lập vào năm 1974 bởi một nhóm các Ngân hàng Trung ương và cơ quan giám sát của 10 nước phát triển (G10) tại thành phố Basel, Thụy Sĩ nhằm tìm cách ngăn chặn sự sụp đổ hàng loạt của các ngân hàng vào thập kỷ 80. Hiện nay, các thành viên của ủy ban gồm đại diện ngân hàng trung ương hay cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng của các nước: Anh, Bỉ, Canada, Đức, Hà Lan, Hoa Kỳ, Luxembourg, Nhật, Pháp, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Ý. Ủy ban được nhóm họp 4 lần trong một năm. Hội đồng thư ký của ủy ban Basel được đề xuất bởi Ngân hàng Thanh toán Quốc tế ở Basel, gồm 15 thành viên là những nhà giám sát hoạt động ngân hàng chuyên nghiệp được biệt phái tạm thời từ các tổ chức tín dụng tài chính thành viên. Ủy ban Basel và các tiểu ban sẵn sàng đưa ra những lời tư vấn cho các cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng ở tất cả các nước.

Ủy ban Basel không có bất kỳ một cơ quan giám sát nào và những kết luận của ủy ban này không có tính pháp lý và yêu cầu tuân thủ đối với việc giám sát hoạt động ngân hàng. Thay vào đó, ủy ban Basel chỉ xây dựng và công bố những tiêu chuẩn và những hướng dẫn giám sát rộng rãi, đồng thời giới thiệu các báo cáo thực tiễn tốt nhất trong kỳ vọng rằng các tổ chức riêng lẻ sẽ áp dụng rộng rãi thông qua những sắp xếp chi tiết phù hợp nhất cho hệ thống quốc gia của chính họ. Theo cách này, ủy ban khuyến khích việc áp dụng cách tiếp cận và các tiêu chuẩn chung mà không cố gắng can thiệp vào các kỹ thuật giám sát của các nước thành viên.

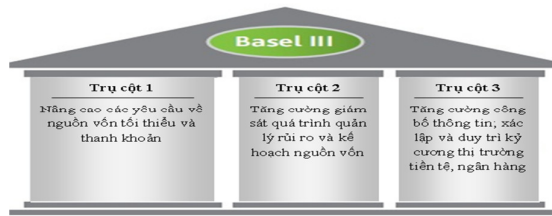
Ủy ban báo cáo thống đốc ngân hàng trung ương hay cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng của nhóm G10. Từ đó tìm kiếm sự hậu thuẫn cho những sáng kiến của ủy ban. Những tiêu chuẩn bao quát một dải rất rộng các vấn đề tài chính. Một mục tiêu quan trọng trong công việc của ủy ban là thu hẹp khoảng cách giám sát quốc tế trên hai nguyên lý cơ bản là: (1) không ngân hàng nước ngoài nào được thành lập mà thoát khỏi sự giám sát; và (2) việc giám sát phải tương xứng. Để đạt được mục tiêu đề ra, từ năm 1975 đến nay, ủy ban Basel đã ban hành rất nhiều văn bản, tài liệu liên quan đến vấn đề này.

Vào năm 1988, ủy ban đã quyết định giới thiệu hệ thống đo lường vốn mà nó được đề cập như là Hiệp ước vốn Basel (the Basel Capital Accord) hay Basel I. Hệ thống này cung cấp khung đo lường rủi ro tín dụng với tiêu chuẩn vốn tối thiểu 8%. Basel I không chỉ được phổ biến trong các quốc gia thành viên mà còn được phổ biến ở hầu hết các nước khác có các ngân hàng hoạt động quốc tế. Đến năm 1996, Basel I được sửa đổi với rất nhiều điểm mới. Để khắc phục những hạn chế của Basel I, tháng 6/1999, ủy ban Basel đã đề xuất khung đo lường mới với 3 trụ cột chính: (i) yêu cầu vốn tối thiểu trên cơ sở kế thừa Basel I; (ii) sự xem xét giám sát của quá trình đánh giá nội bộ và sự đủ vốn của các tổ chức tài chính; (iii) sử dụng hiệu quả của việc công bố thông tin nhằm làm lành mạnh kỷ luật thị trường như là một sự bổ sung cho các nỗ lực giám sát. Đến ngày 26/6/2004, bản Hiệp ước quốc tế về vốn Basel mới (Basel II) đã chính thức được ban hành.

Lịch sử vắn tắt của Hiệp ước vốn Basel:

- (1) Năm 1988, Hiệp ước vốn Basel đầu tiên (Basel I) ra đời và có hiệu lực từ 1992.
- (2) Năm 1996, Basel I được bổ sung thêm rủi ro thị trường (được thực thi chậm nhất vào ngày 1/1/1998).
- (3) Tháng 6/1999, đề xuất một khung Hiệp ước vốn mới với chương trình tư vấn lần thứ nhất (First Consultative Package - CP1).
- (4) Tháng 1/2001, chương trình tư vấn lần thứ hai (CP2).
- (5) Tháng 4/2003, chương trình tư vấn lần thứ ba (CP3).
- (6) Quý 4/2003, phiên bản mới của Hiệp ước vốn (Basel II) được hoàn thiện.
- (7) Tháng 1/2007, Basel II có hiệu lực.
- (8) Năm 2010, chấm dứt quá trình chuyển đổi. Sau khi Basel II không thể ngăn chặn được cuộc khủng hoảng toàn cầu, Basel III ra đời.

Hiệp ước Basel III được giới thiệu vào 12/2010 và được chỉnh sửa bổ sung vào 6/2011, Basel III bao gồm 3 trụ cột:



Dựa trên những tiền đề có sẵn về quản lý rủi ro ở Basel II, và ra đời trong bối cảnh khủng hoảng tài chính bởi việc cho vay nợ dưới chuẩn trong lĩnh vực bất động sản ở Mỹ, mục tiêu chính của Basel III là hướng đến việc củng cố hệ thống tài chính và thị trường vốn quốc tế thông qua việc kiểm soát chặt hơn nữa những hoạt động tài chính của ngân hàng thương mại (NHTM) Basel III đã bổ sung một số quy định mới, cụ thể như sau:

❖ Định nghĩa mới về vốn và vốn đệm:

▪ Nâng cao chất lượng vốn cấp 1:

Theo Basel III, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu vẫn là 8%, nhưng tỷ lệ loại vốn có chất lượng cao được nâng lên, cụ thể:

✓ Tỷ lệ vốn cấp 1 tăng từ 4% trong Basel II lên 6% trong Basel III; đồng thời, tỷ lệ vốn cổ phần phổ thông (common equity) cũng tăng từ 2% lên 4,5%.

✓ Bên cạnh đó, các khoản vốn không đủ tiêu chuẩn cũng sẽ được loại trừ dần khỏi vốn cấp 1 và vốn cấp 2, ví dụ: các khoản đầu tư vượt quá giới hạn 15% vào các tổ chức tài chính...

▪ Loại bỏ vốn cấp 3;

▪ Tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn cho mỗi công cụ;

▪ Basel III giới thiệu hai bộ đệm vốn mới: vốn đệm bảo toàn vốn 2,5% và vốn đệm chống hiệu ứng chu kỳ kinh tế 0-2,5% tùy theo hoàn cảnh kinh tế vĩ mô.

	Vốn cổ phần phổ thông	Vốn cấp 1	Tổng nguồn vốn
Yêu cầu tối thiểu	4,5%	6%	8%
Vốn đệm bảo toàn vốn	2,5%		
Yêu cầu tối thiểu và vốn đệm bảo toàn vốn	7%	8,5%	10,5%
Vốn đệm chống hiệu ứng chu kỳ	0% – 2,5%		

Nguồn: <http://www.bis.org> và phiên dịch của đồng tác giả các rối loạn trên thị trường tài chính 2007-2009 cho thấy tầm quan trọng của tính thanh khoản đối với hoạt động của hệ thống tài chính; vì thế, Basel III đã thiết lập khuôn khổ về quản lý rủi ro thanh khoản, gồm:

- Tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (Liquidity Coverage Ratio- LCR)
- Tỷ lệ tài trợ ổn định thuần (Net Stable Funding Ratio - NSFR)

❖ Ngoài ra, Basel III còn yêu cầu áp dụng bổ sung tỷ lệ đòn bẩy thử nghiệm ở mức tối thiểu 3%. Đây là tỷ lệ của vốn cấp 1 so với tổng tài sản có cộng với các khoản mục ngoại bảng. Để giúp các ngân hàng có thời gian huy động tài chính, ngân hàng Thanh toán quốc tế -BIS (Tổ chức đưa ra Hiệp ước Basel III) đã đưa ra lộ trình để thực hiện bắt đầu từ tháng 1/2013 và hoàn thành vào cuối năm 2018, cụ thể như sau:

	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
	Tỷ lệ đòn bẩy	Giai đoạn chạy song song bắt đầu từ 1/2013 đến 1/2017. Các NH sẽ phải công bố tỷ lệ đòn bẩy từ 1/2015						
Vốn	Tỷ lệ vốn cổ phần phổ thông (CPPT) tối thiểu	3,5%	4,0%			4,5%		4,5%
	Vốn đệm bảo toàn vốn				0,625%	1,25%	1,875%	2,5%
	Vốn CPPT tối thiểu cộng vốn đệm bảo toàn vốn	3,5%	4,0%	4,5%	5,125%	5,75%	6,375%	7,0%
	Loại trừ khỏi vốn CPPT các khoản không đủ tiêu chuẩn		20%	40%	60%	80%	100%	100%
	Tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu	4,50%	5,50%			6%		6%
	Tỷ lệ tổng vốn tối thiểu				8%			8%
	Tổng vốn tối thiểu cộng vốn đệm bảo toàn vốn		8%		8,625%	9,25%	9,875%	10,5%
	Loại trừ khỏi vốn cấp 1 và cấp 2 các khoản không đủ tiêu chuẩn	Thực hiện theo lộ trình 10 năm bắt đầu từ năm 2013						
	Vốn đệm chống hiệu ứng chu kỳ		Tùy theo điều kiện của quốc gia: mức từ 0-2.5%					
Thanh khoản	Tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (LCR) tối thiểu			60%	70%	80%	90%	100%
	Tỷ lệ tài trợ ổn định thuần (NSFR)						Giới thiệu tiêu chuẩn tối thiểu	

Nguồn: <http://www.bis.org> và phiên dịch của đồng tác giả

2. ĐỐI SÁNH CÁC CHỈ TIÊU GIÁM SÁT AN TOÀN THEO BASEL III VÀ VIỆT NAM

BASEL III	VIỆT NAM
Hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR	
$CAR = \frac{\text{Vốn tự có (Vốn cấp 1 và cấp 2)}}{\text{RR tín dụng} + \text{RR thị trường} + \text{RR hoạt động}} \geq 8\%$	$CAR = \frac{\text{Vốn tự có (Vốn cấp 1 + Vốn cấp 2 - các khoản loại trừ)}}{\text{Tổng tài sản có rủi ro}} \geq 9\%$

1. Tỷ số (vốn tự có)**1.1. Vốn cấp 1 (T1): gồm:**

a. “Vốn cổ phần phổ thông (CET1 - Common Equity Tier 1)

b. Vốn cấp 1 bổ sung (AT1 - Additional Tier 1)

Trong đó:

- Vốn cổ phần phổ thông phải đạt ít nhất 4,5% tổng tài sản “có” rủi ro (RWAs – risk weighted assets) (bao gồm RR tín dụng, RR thị trường và RR hoạt động).

- Vốn cấp 1 phải đạt ít nhất 6,0% tổng tài sản “có” rủi ro”.

(Bank For International Settlements, Basel III, 2013)

1.1.Vốn cấp 1:

- Vốn cấp 1 và các khoản loại trừ khỏi vốn cấp 1: được quy định tại phụ lục 1 thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014.

- Thông tư 36 không phân vốn cấp 1 như Basel III và cũng không quy định cụ thể vốn cấp 1 phải đạt bao nhiêu % tổng tài sản “có” rủi ro.

Nhận xét: vốn cấp 1 theo Basel III quy định khắt khe hơn rất nhiều so với Việt Nam, cụ thể là:

- Tất cả các tài sản vô hình (trừ quyền dịch vụ thể chấp) phải được khấu trừ khỏi CET1;
- Điều chỉnh lại dự trữ bảo hiểm rủi ro dòng tiền (dòng tiền dương sẽ được trừ ra và dòng tiền âm sẽ được cộng vào);
- Sự thiếu hụt trong việc trích lập dự phòng thua lỗ cổ phiếu sẽ được khấu trừ khỏi CET1;
- Khi tính CET1, loại bỏ sự gia tăng vốn do kết quả của các giao dịch chứng khoán, chẳng hạn như thu nhập biên dự kiến có được từ giao dịch chứng khoán trong tương lai;
- Sở hữu chéo nhằm thổi phồng nguồn vốn của NH sẽ được khấu trừ toàn bộ; ...
- Qua đó, thấy rằng: Vốn cấp 1 theo định nghĩa của Việt Nam rộng hơn rất nhiều so với vốn cấp 1 theo định nghĩa của Basel III.

1.2. Vốn cấp 2 (T2): Gồm:

- “Các công cụ được phát hành bởi NH đáp ứng các tiêu chuẩn để đưa vào T2.

- Thặng dư vốn cổ phần do phát hành các công cụ trong T2.

- Các công cụ được phát hành bởi các công ty con hợp nhất của NH và được nắm giữ bởi các bên thứ ba đáp ứng các tiêu chuẩn T2.

- Trích lập dự phòng cho các khoản lỗ tín dụng;

- Các điều chỉnh theo quy định áp dụng trong tính toán vốn cấp 2 (đã đề cập bên trên).

1.2. Vốn cấp 2:

- Vốn cấp 2 và các khoản loại trừ khỏi vốn cấp 2: được quy định tại phụ lục 1 thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014.

- Các điều chỉnh theo quy định áp dụng trong tính toán T2:

- Đầu tư vào cổ phiếu quỹ
- Sở hữu chéo lẫn nhau trong các tổ chức tài chính khác
- Nằm giữ quan trọng trong NH, các tổ chức tài chính và bảo hiểm (hơn 10% vốn cổ phần được phát hành) nằm ngoài phạm vi hợp nhất quy định.”

Loại trừ khỏi vốn cấp 1 và cấp 2 các khoản không đủ tiêu chuẩn (lộ trình 10 năm từ 2013) như các công cụ lai giữa nợ và vốn (trái phiếu chuyển đổi...),

(Bank For International Settlements, Basel III, 2013)

Nhận xét: Thông tư 36 không quy định vốn cấp 1 phải chiếm bao nhiêu % trong tổng tài sản “có” rủi ro; nhưng thông tư lại đặt ra các giới hạn khi xác định vốn cấp 2 (Basel III không quy định giới hạn này). Tuy nhiên, cách quy định khác nhau đã dẫn đến sự khác nhau cả về bản chất, vì mục đích của tỷ số CAR chính là muốn ràng buộc trách nhiệm chủ sở hữu với rủi ro của NH. Do đó, Basel III quy định vốn cấp 1 phải chiếm đến 6% RWAs (trong đó: CET1 phải đạt ít nhất 4,5% RWAs) và cách tính vốn cấp 1, cấp 2 được quy định rất chặt chẽ. Trong khi đó, tại Việt Nam, ngoài việc cách tính vốn cấp 1 rộng hơn nhiều so với Basel III, thì việc cho phép vốn cấp 2 chiếm một tỷ lệ lớn trong tổng tài sản “có” rủi ro (tổng giá trị vốn cấp 2 tối đa bằng 100% giá trị vốn cấp 1) cũng khiến cho tỷ số CAR không phản ánh đúng mục đích đề ra. Bên cạnh đó, các công cụ lai như trái phiếu chuyển đổi trong Basel III sẽ bị loại trừ, trong khi các công cụ này vẫn nằm trong vốn cấp 2 của Thông tư 36.

2. Mẫu số

- Basel III đề cập đến cả 3 loại rủi ro mà NH phải đối mặt; đó là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.
- Phần mẫu số bao gồm 2 phần: Phần tài sản được điều chỉnh theo hệ số rủi ro tín dụng cộng với 12,5 lần tổng vốn quy định cho dự phòng rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.
- Phương pháp đo lường rủi ro tín dụng: có nhiều phương pháp:

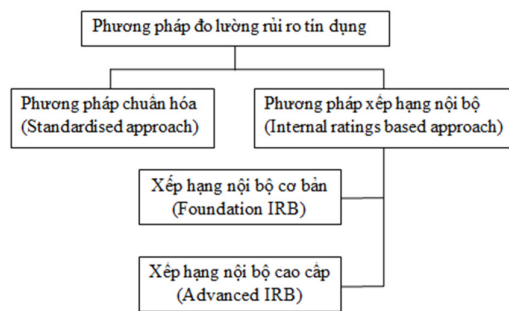
- Trong thông tư 36, tổng tài sản “có” rủi ro chỉ tính đến rủi ro duy nhất là rủi ro tín dụng (là một trong nhiều rủi ro mà NH phải đối mặt).

Công thức tính:

- Tổng TS “có” rủi ro = Giá trị TS “có” x hệ số rủi ro tương ứng của TS “có” + Giá trị của cam kết ngoại bảng x hệ số chuyển đổi x hệ số rủi ro.

- Trong đó: hệ số rủi ro tương ứng của TS “có” (trong bảng cân đối kế toán), hệ số chuyển đổi của các cam kết ngoại bảng, hệ số rủi ro của giá trị tài sản “có” tương ứng của từng cam kết ngoại bảng được quy định cụ thể tại phần II phụ lục 2 thông tư 36.

- Thông tư 36 hoàn toàn áp đặt các chuẩn hệ



- Trọng số rủi ro của từng tài sản phụ thuộc vào kết quả xếp hạng tín nhiệm và không có sự ưu tiên nào dành cho các nước OECD.

số rủi ro cho từng loại tài sản của NH. Trong đó, hệ số rủi ro trải đều từ 0%-150% (ưu tiên cho các nước OECD). Mục đích chính của việc quy định hệ số rủi ro lên đến 150% đối với các khoản cho vay liên quan đến đầu tư chứng khoán và đầu tư bất động sản là tín hiệu từ NHNN muốn hạn chế các NHTM tham gia vào lĩnh vực kinh doanh nhiều rủi ro.

Nhận xét: Thông tư 36 đã bộc lộ khá nhiều vấn đề; cụ thể:

- Chỉ tính đến rủi ro tín dụng mà không đề cập đến những rủi ro khác mà NH phải đối mặt như: rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động,... Điều này cho thấy, thông tư 36 chưa tính được lợi ích của đa dạng hóa hoạt động (sẽ không có sự khác biệt giữa một NH có hoạt động kinh doanh đa dạng và một NH chỉ tập trung vào một loại hình kinh doanh);
- Thông tư 36 hoàn toàn áp đặt các chuẩn hệ số rủi ro cho từng loại tài sản của NH. Điều này khiến cho các NH không có động lực để cải tạo và đầu tư vào những phương tiện quản lý rủi ro cao cấp. Trong khi, Basel III khuyến khích các NH tự tính toán rủi ro của chính NH và báo cáo số liệu này với ngân hàng Nhà nước. Và tất nhiên khi NH tự tính những hệ số rủi ro thì ngân hàng nhà nước sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong việc kiểm tra chất lượng và bảo đảm độ chính xác của những số liệu này; sẽ cần một cơ quan chuyên trách trực thuộc ngân hàng nhà nước để tư vấn và định hướng cho ngân hàng nhà nước trong việc quản lý lĩnh vực này.

Kết luận về hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR:

- Tuy thể hiện bề ngoài là tỷ số CAR tại Việt Nam (9%) đạt mức cao hơn Basel III (8%) nhưng cách tính cả tử và mẫu số có rất nhiều khác biệt; cụ thể: tử số tại Việt Nam có xu hướng lớn hơn (do định nghĩa về vốn tự có tại Việt Nam rộng hơn rất nhiều so với Basel III), trong khi mẫu số thì lại nhỏ hơn (do chỉ đề cập đến rủi ro tín dụng, và cách tính cũng có nhiều khác biệt). Ngoài ra, còn có sự khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS).
- Chính vì vậy, theo quan điểm của đồng tác giả, cách tính CAR theo Thông tư 36/2010 về bản chất vẫn chưa phản ánh đúng chuẩn mà Basel III yêu cầu.
- Lưu ý: tỷ số CAR theo Basel III không chỉ dừng lại ở mức trên, mà còn có các nguồn vốn bổ sung (gọi là vốn đệm) nhằm bảo toàn nguồn vốn của NH và ngăn chặn biến động của chu kỳ kinh tế (tại Việt Nam hiện chưa có nguồn vốn này). Những NH không đạt được vốn đệm theo yêu cầu sẽ bị chế tài trong việc phân bổ nguồn thu nhập (phải giữ lại tỷ lệ % lợi nhuận, hạn chế các khoản mục như: cổ tức, cổ phiếu mua lại, khoản thanh toán khác và phân phối cho các công cụ vốn cấp 1, tiền thưởng tùy ý).

3. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VỀ VIỆC ÁP DỤNG BASEL III TẠI VIỆT NAM

3.1. Một số đề xuất

Một là, tuy Thông tư 36 đã quy định cụ thể các thành phần của vốn tự có, nhưng đồng tác giả cho rằng các thành phần này cần có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn với mục đích mà Basel III đã đề ra, cụ thể:

- Nên quy định vốn cấp 1 chiếm bao nhiêu % trong tổng tài sản “có” rủi ro (RWAs) thay vì đưa ra các giới hạn cho vốn cấp 2, và tỷ trọng này nên chiếm tỷ lệ cao trong RWAs. Đồng thời, nên đưa ra vùng vốn đệm và những NH nào không đáp ứng được sẽ bị chế tài trong việc phân phối lợi nhuận;
- Điều chỉnh lại các thành phần trong vốn cấp 1 như: tất cả các tài sản vô hình phải được khấu trừ khỏi CET1, sở hữu chéo phải được loại bỏ,...vấn đề sở hữu chéo trong các NH hiện đang được Chính phủ giải quyết thông qua việc thu tóm và sáp nhập các NH lại với nhau, ví dụ như: vụ sáp nhập năm 2011 của ba NH có chung một cổ đông lớn là TMCP Sài Gòn (SCB), TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (TinNghiaBank) và Thương mại Cổ phần Đề Nhất (Ficombank) thành SCB; hay vụ sáp nhập gần đây của SouthernBank vào Sacombank... Do đó, đồng tác giả cho rằng việc sở hữu chéo trong thời gian tới sẽ được giải quyết; đồng thời, đây là cơ hội tốt để đưa ra những quy định mới phù hợp hơn;
- Các công cụ lai (như trái phiếu chuyển đổi) nên được loại trừ khỏi vốn cấp 2.

Hai là, khi tính rủi ro, cần phải:

- Tính cả rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động;
- Nâng cao hơn nữa vai trò của trung tâm thông tin tín dụng của NHNN (CIC);

Xây dựng khuôn khổ pháp luật cũng như tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích sự ra đời và phát triển của các tổ chức đánh giá tín nhiệm độc lập;

- Xây dựng lại khuôn khổ về chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) cho thống nhất với chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS).

Ba là, cần ghi nhận các khoản nợ xấu dưới chuẩn theo chuẩn mực quốc tế nhằm tránh thổi phồng hệ số CAR, cũng như hạn chế được rủi ro thanh khoản.

3.2. Việc áp dụng Basel III tại Việt Nam

Hiện nay, khi các ngân hàng trên thế giới đã đề cập tới việc áp dụng chuẩn mực Basel III thì các ngân hàng ở Việt Nam vẫn chưa chính thức đề cập tới việc áp dụng một chuẩn mực nào của Basel. Mặc dù các quy định trong những năm gần đây của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) như Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN, Thông tư số 13, 19 năm 2010 cũng đã đề cập tới một số vấn đề liên quan tới các điều khoản trong hiệp định Basel nhưng vẫn ở mức rất hạn chế. Việc các ngân hàng thương mại tại Việt Nam chưa áp dụng các chuẩn mực của Basel một cách chính thức nhằm nâng cao chất lượng quản lý rủi ro trong khi các ngân hàng trên thế giới đã có những bước phát triển cao hơn sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Việc tiếp cận với các chuẩn mực của Basel, đặc biệt là Basel III đòi hỏi kỹ thuật phức tạp và chi phí khá cao. Đối với một nước có hệ thống ngân hàng mới đang ở giai đoạn phát triển ban đầu như Việt Nam, việc áp dụng Basel III gặp nhiều khó khăn, thách thức và mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, trước xu thế hội nhập và mở cửa thị trường dịch vụ tài chính –

ngân hàng với nhiều loại hình dịch vụ ngân hàng mới, việc từng bước áp dụng các chuẩn mực Basel tại Việt Nam là yêu cầu cấp thiết nhằm tăng cường năng lực hoạt động, giảm thiểu rủi ro đối với các ngân hàng thương mại và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường tài chính quốc tế, tạo điều kiện cho các ngân hàng Việt Nam có thể mở rộng thị trường trong thời gian tới.

Dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với Basel III nhưng một khi Việt Nam đã gia nhập WTO, việc đáp ứng được chuẩn này chỉ còn là vấn đề thời gian (vì đây là điều kiện tiên quyết để Việt Nam hội nhập sâu với nền tài chính – ngân hàng thế giới). Do đó, Việt Nam nên gấp rút tiến hành thay đổi các qui định theo hướng phù hợp hơn với mục đích mà Basel III đã đề ra nhằm giúp các NHTM phấn đấu đạt chuẩn theo tiêu chuẩn quốc tế. Thời gian thích hợp để bắt đầu áp dụng là từ năm 2016 hoặc 2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bank For International Settlements, Basel III: A global regulatory framework for more resilient banks and banking systems (12/2010).
- [2]. Bank For International Settlements, Basel III: International framework for liquidity risk measurement, standards and monitoring (12/2010).
- [3]. Bank For International Settlements, Basel III: The Liquidity Coverage Ratio and liquidity risk monitoring tools (01/2013), <http://bis.org>, ngày truy cập 15/08/2014.
- [4]. Cổng thông tin điện tử Bộ Tư Pháp, Các văn bản quy phạm pháp luật tại website <http://vbqppl.moj.gov.vn/pages/vbpq.aspx>: ngày truy cập: 19/09/2014.